

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN THỦY CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 259 /VTC-PNCVL

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hà Nội.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

VIỆN THỦY CÔNG công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: VIỆN THỦY CÔNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 0102963320)

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 3, ngõ 95, phố Chùa bặc, phường Kim Liên, TP. Hà Nội.
- Mã số thuế : 0102963320
- Thư điện tử : vienthuycong08@gmail.com Website : thuycong.ac.vn

1.2. Người đại diện pháp luật : NGUYỄN CHÍ THANH

Chức vụ : Phó viện trưởng phụ trách.

Điện thoại : (024) 3563 2821

2. Thông tin phòng thí nghiệm: PHÒNG NGHIÊN CỨU VẬT LIỆU

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 24.080 do Sở xây dựng Tp. Hà Nội cấp giấy chứng nhận số : 63/GCN-SXD (GDCL) ngày 31/07/2024)

- Địa điểm đặt phòng thí nghiệm :
 - + Cơ sở 1: Số 3, ngõ 95, phố Chùa bặc, phường Kim Liên, TP. Hà Nội;
 - + Cơ sở 2: Khu thí nghiệm mô hình nghiên cứu Sông biển và công nghệ cao Thủy lợi, xã Hòa Lạc, TP. Hà Nội.



(Signature)

- Trưởng phòng : **NGUYỄN QUANG BÌNH**

Điện thoại : 0904172404

Thư điện tử : binhncvl@gmail.com

3. Viện Thủy công chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Hà Nội (đăng tải website);
- Lưu VT,PNCVL.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Chí Thanh

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CÔNG BỐ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

(Kèm theo công bố số 239/VTC-PNCVL ngày 19/ 4/2026 của Viện Thủy công)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
I	Thử nghiệm cơ lý hóa xi măng			
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:2003; ASTM C184, C188, C204	Sàng 0,09mm, bình đo thể tích; dầu hỏa, cốc mỏ, cân kỹ thuật; thiết bị đo độ mịn blaine	Nguyễn Tiến Trung Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
2	Xác định cường độ chịu nén và uốn	TCVN 6016:2011; (ISO 679:2009) ASTM C109, C348, C349	Máy trộn vữa XM; Bàn dẫn xi măng; Khuôn đúc mẫu; Máy nén uốn xi măng	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; ASTM C187, C191, C266, C451	Dụng cụ Vika; Bộ thiết bị độ ổn định thể tích theo PP Le Chatelier	
4	Xác định hàm lượng mất khi nung, căn không tan, kiểm quy đổi, hàm lượng phụ gia khoáng trong xi măng, SO ₃ , MgO, CaO, SiO ₂ , Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , C ₃ A, BaO, (C ₄ AF+2C ₃ A), CaO _{tự do}	TCVN 141:2023; ASTM C114	Hóa chất phân tích, cân phân tích, Bếp điện, tủ sấy, lò nung, cốc nung, chén bạch kim...	
5	Độ nở Autoclave	TCVN 7711:2013; TCVN 8877:2011; ASTM C151	Thiết bị Autoclave, máy trộn, khuôn đúc, thiết bị đo biến dạng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
6	Độ nở sunfat	TCVN 6068:2020; ASTM C452, C1038	Khuôn đúc mẫu, thiết bị đo biến dạng, máy trộn vữa; hóa chất	
7	Xác định nhiệt thủy hoá	TCVN 6070:2005, ASTM C186	Thiết bị đo nhiệt thủy hóa, hóa chất	
8	Xác định sự đông cứng sớm của xi măng	ASTM C451	Máy trộn, kim vica, cân kỹ thuật	
II	Cốt liệu cho bê tông và vữa			
9	Xác định thành phần hạt và môđun độ lớn	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136;	Bộ sàng theo quy định; Máy sàng lắc; Cân kỹ thuật	Nguyễn Quang Bình Nguyễn Tiến Trung Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
10	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006	Kính lúp, kính hiển vi	
11	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu mịn	TCVN 7572-4:2006; ASTM C128;	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, tủ sấy, dụng cụ thí nghiệm độ ẩm bão hòa của cát	
12	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; TCVN 10322:2014; ASTM C127, C29;	Cân thủy tĩnh, cân kỹ thuật, tủ sấy	
13	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29;	Cân thủy tĩnh, cân kỹ thuật, tủ sấy	
14	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566;	Tủ sấy, cân kỹ thuật	
15	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142;	Thùng ngâm, tủ sấy, cân kỹ thuật	
16	Xác định hàm lượng hạt <0,075mm của cốt liệu nhỏ	TCVN 9205:2012; ASTM C117	Tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
17	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40;	Thuốc thử, bảng so màu	
18	Cường độ, modul và hệ số hóa mềm của đá gốc, độ bền vững, cường độ kháng cắt của đá	TCVN 7572-10:2006; TCVN 10323, 10324:2014; ASTM D2938, D3967; D5731 D7012, D3148, D4644 ASTM D5607	Máy nén, máy cắt (khoan) mẫu	
19	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006;	Máy nén, máy cắt (khoan) mẫu, xilanh nén dập	
20	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535;	Máy mài mòn Los Angeles, sàng, cân kỹ thuật	
21	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791	Thước TN hàm lượng hạt thoi dẹt, tủ sấy, cân kỹ thuật	
22	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C289, C227	Hóa chất, ống lường, pipet, puret...; Khuôn đúc mẫu, đồng hồ đo biến dạng, máy trộn vữa...	
23	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; ASTM C1152, C1218	Cân phân tích, sàng 5mm, bình hút ẩm, cốc nung, bếp điện, máy khuấy, lò nung, thuốc thử...	
24	Xác định hàm lượng sun phat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	Cân phân tích, sàng 5mm, bình hút ẩm, cốc nung, bếp điện, máy khuấy, lò nung, thuốc thử	
25	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	Kim sắt; cân kỹ thuật, sàng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
26	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006 ASTM C142	Cân kỹ thuật, kính lúp	
27	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006	Cân phân tích, sàng 5mm, cốc nung, lò nung, bếp điện, hóa chất	
28	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Giấy nhám, đĩa thủy tinh, bộ sàng	
29	Xác định chỉ số đương lượng cát	ASTM D2419	Bộ thiết bị đo đương lượng, sàng	
30	Xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012; ASTM D1883	Thiết bị đo góc dốc, ống lều, cân kỹ thuật	
31	Xác định độ bền cốt liệu trong dung dịch sunfat	ASTM C88	Hóa chất, bộ sàng, cân kỹ thuật	
32	Xác định hàm lượng sét	TCVN 344:1986	Ống lều, cân kỹ thuật, thuốc thử, tủ sấy	
33	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM C123	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
34	Ảnh hưởng của tạp chất hữu cơ trong cốt liệu nhỏ đến cường độ của vữa	ASTM C87	Máy trộn, khuôn đúc, máy nén	
35	Cốt liệu nhẹ cho bê tông: thành phần cỡ hạt, khối lượng thể tích, độ bền xilanh, khối lượng mất khi đun sôi, độ hút nước, độ ẩm	TCVN 6221:1997	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng, bộ dụng cụ thí nghiệm khối lượng thể tích	
III	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
36	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143	Bộ côn thử độ sụt, bay, xẻng, thước	Nguyễn Quang Bình Nguyễn Tiến Trung

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
37	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:2022; ASTM C1170	Máy vebe, đồng hồ bấm giây...	Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
38	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; ASTM C138, C642	Cân kỹ thuật, thùng đựng, bay, thước, que chọc	
39	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232	Cân kỹ thuật, thùng đựng	
40	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:2022	Cân kỹ thuật, thùng đựng, tủ sấy	
41	Xác định hàm lượng bột khí trong vữa bê tông	TCVN 3111:2022; ASTM C138, C173, C231	Máy thử hàm lượng bột khí, bay, thước	
42	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước, độ rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022; TCVN 3115:2022; TCVN 3113:2022; ASTM C642, C1585	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thước kẹp	
43	Xác định độ chịu mài mòn, độ xói mòn của bê tông	TCVN 3114:2022, ASTM C1138	Máy đo mài mòn BT, máy khuấy tốc độ cao, cân kỹ thuật	
44	Xác định độ chống thấm và hệ số thấm của bê tông	TCVN 3116:2022; TCVN 8219:2009; CRD C48, ASTM C1585	Máy thử thấm bê tông, ống lều, cân kỹ thuật	
45	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022; ASTM C157	Thiết bị đo biến dạng	
46	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; TCVN 12252: 2020; ASTM C39, C42, C1231	Máy nén bê tông, thước kẹp, thiết bị kapping	
47	Xác định cường độ kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022; ASTM C78; C293	Máy nén bê tông, gồ uốn	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
48	Xác định cường độ kéo khi bừa, ép chẻ của bê tông	TCVN 3120:2022; ASTM C496; TCVN 8862:2011	Máy nén bê tông, tấm đệm truyền tải	
49	Xác định cường độ kéo trực tiếp (đọc trực)	CRD C164	Máy kéo bê tông, đầu gắn mẫu, keo dán...	
50	Xác định cường độ lắng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469	Máy nén, bộ khung, gá mẫu, đồng hồ biến dạng	
51	Thí nghiệm tính chất từ biến của bê tông	ASTM C512	Máy nén, bộ khung, đồng hồ biến dạng	
52	Xác định hàm lượng ion clo và thấm clo trong bê tông	TCVN 9337:2012; ASTM C1152, C1218, C1202	Thiết bị đo điện lượng, máy khoan, hóa chất, cân kỹ thuật	
53	Xác định thời gian đông kết của HH bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403	Thiết bị XD thời gian đông kết của BT	
54	Xác định hàm lượng sunfat trong bê tông	TCVN 9336:2012	Hóa chất, bộ sàng, cân kỹ thuật	
55	Xác định độ pH trong bê tông	TCVN 9339:2012	Hóa chất, bộ sàng, cân kỹ thuật, máy đo pH	
56	Độ tăng nhiệt độ	CRD C38:73	Tủ dưỡng hộ điều chỉnh nhiệt độ, máy đo, dây can nhiệt	
57	Khuyếch tán nhiệt	CRD C37:73	Tủ dưỡng hộ điều chỉnh nhiệt độ, máy đo, dây can nhiệt	
58	Hệ số giãn nở đoạn nhiệt	TI-B 101:94	Tủ dưỡng hộ điều chỉnh nhiệt độ, máy đo, dây can nhiệt	
59	Nhiệt dung riêng	CRD-C124:73	Tủ dưỡng hộ điều chỉnh nhiệt độ, máy đo, dây can nhiệt	
60	Độ dẫn truyền nhiệt	CRD-C44:63		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
61	Thí nghiệm các tính chất của bê tông tự đầm: đường kính chảy loang, khả năng chảy qua khe kẽ cốt liệu trên khuôn J-Ring, V-Funnel, L-Box	EN 12350-8,9,10,11,12; ASTM C1611, C1621	Thiết bị đo độ xòe, thùng	Nguyễn Quang Bình Nguyễn Tiến Trung Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh Đương Thị Thanh
IV	Vữa xây dựng, vữa và bê tông chịu axit, vữa bền hóa gốc polyme, vữa chèn cấp dự ứng lực			
62	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; TCVN 9028:2011	Sàng 5mm, cân kỹ thuật	
63	Xác định độ lưu động của vữa tươi, độ chảy loang; Khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022; TCVN 3121-8: 2022; ASTM C1437, C939; TCVN 9028:2011; TCVN 9204:2012; EN 1015-3,4	Bàn dằn, côn thử độ chảy, độ xòe của vữa	
64	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022; EN 445, EN 1015-6	Thùng đong, cân ký thuật	
65	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9: 2022; TCVN 9028:2011; EN 1015-9; ASTM C807, C953, C191; EN 445	Thiết bị XD thời gian đông kết	
66	Xác định khối lượng thể tích của vữa đóng rắn	TCVN 3121-10: 2022; EN 1015-10	Cân kỹ thuật, thước	
67	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11: 2022; TCVN 9028:2011; TCVN 9204:2012; ASTM C348, C349, C109; EN 1015-11; EN	Máy nén vữa, gối uốn, gá nén mẫu vữa	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
		445		
68	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12: 2022; TCVN 9349:2012; TCVN 9028:2012; ASTM 1583; EN 1015-11	Thiết bị thử cường độ bám dính	
69	Xác định ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17: 2022; ASTM C1218, EN 1015-17	Thiết bị đo hàm lượng ion clo	
70	Xác định độ hút nước, hệ số hút nước của vữa đã đóng rắn do mao dẫn	TCVN 3121-18: 2022; TCVN 9028:2012; ASTM C1403; EN 1015-18,19	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
71	Xác định độ co, nở, tách nước của vữa	TCVN 9204:2012; ASTM C1090, C827, C940	Thiết bị đo độ co, nở, khuôn đúc mẫu, ống lường, pipet	
72	Xác định chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết và đóng rắn	TCVN 9204:2012; ASTM C827, C1090	Thiết bị đo, thước đo	
73	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sunfat	TCVN 7713:2007, ASTM C1012	Thiết bị đo chiều dài, thanh chuẩn, đồng hồ thiên văn kế, máy nén	
74	Xác định các chỉ tiêu của vữa khô trộn sẵn	ASTM C1107	Máy trộn, tủ sấy, cân kỹ thuật...	
75	Vữa và bê tông chịu axit: Xác định cỡ hạt, xác định thời gian công tác; độ bám dính của vữa đã đóng rắn; độ hút nước của vữa, bê tông; cường độ chịu nén của vữa, bê tông; độ co của mẫu	TCVN 9034:2011	Máy thử độ bám dính, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy trộn, khuôn, máy nén, máy kéo bám dính...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
	bê tông; hệ số bền axit của bê tông đã đóng rắn			
76	Vữa bền hóa gốc polyme: Độ bền kéo, độ bền nén, độ bám dính, thời gian công tác, đo độ dài và hệ số giãn nở nhiệt, độ hấp thụ nước, độ bền hóa	TCVN 9080-1:2012	Cân kỹ thuật, máy trộn, dụng cụ Vicat, đồng hồ micromet, khuôn mẫu hình số 8, máy kéo nén đa năng	
V	HỆ CHẤT KẾT DÍNH GỐC EPOXY CHO BÊ TÔNG			
77	Độ nhớt	TCVN 7952-1:2008; ASTM D2393	Máy đo độ nhớt Brookfield, máy ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, cân kỹ thuật	Nguyễn Thị Mai Phương - Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
78	Độ chảy sệt, thời gian tạo gel	TCVN 7952-2:2008; TCVN 7952-3:2008; ASTM C881	Bộ dụng cụ tạo thanh mẫu, cốc giấy, tấm thủy tinh, thước kẹp, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giờ	
79	Cường độ dính kết, liên kết	TCVN 7952-4:2008; ASTM C881 TCVN 7952-11:2008; ASTM C882	Cân kỹ thuật, máy nén vữa, khuôn đúc mẫu, cốc thủy tinh, tủ điều chỉnh nhiệt độ	
80	Độ hấp thụ nước	TCVN 7952-5:2008; ASTM D570	Cân phân tích, tủ sấy, khuôn đúc mẫu, bình giữ ẩm	
81	Nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng	TCVN 7952-6:2008; ASTM D648	Khuôn đúc thanh mẫu, thước kẹp, bộ thiết bị xác định nhiệt độ võng nhiệt dưới tải trọng uốn	
82	Khả năng thích ứng nhiệt	TCVN 7952-7:2008; ASTM C884	Buồng làm lạnh, thanh gỗ hoặc thép, cân kỹ thuật	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
83	Hệ số co ngót sau khi đóng rắn	TCVN 7952-8:2008; ASTM D2566	Khuôn đo hệ số co ngót, cân kỹ thuật, thiết bị đo độ sâu	
84	Cường độ chịu nén và modul đàn hồi khi nén ở điểm chảy	TCVN 7952-9:2008; ASTM D695	Bộ khung và đồng hồ đo, thước kẹp, máy nén đa năng	
85	Cường độ kéo và độ giãn dài khi đứt	TCVN 7952-10:2008; ASTM D638	Cân kỹ thuật, thước kẹp, máy kéo đa năng	
86	Xác định cường độ bám dính vữa tròng phòng thí nghiệm	ASTM C1404, C1042	Máy kéo bám dính Proceq	
VI	Thử nghiệm keo dán gạch, keo chít mạch, bột bả tường, matit			
87	Keo dán gạch: Xác định cường độ bám dính khi kéo, khi cắt sau khi ngâm nước, sau khi gia nhiệt; Xác định biến dạng ngang; Xác định thời gian mở và độ trượt; Xác định độ bền hóa	TCVN 7899-2:2008; ISO 13007-2	Cân kỹ thuật, thước kẹp, Máy kéo bám dính Proceq, thước thép, máy nén, tủ sấy, bộ gá thử, khuôn, thùng chứa hóa chất	Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
88	Keo chít mạch: Xác định cường độ uốn và nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ co ngót, độ mài mòn	TCVN 7899-4:2008; ISO 13007-4	Bộ khuôn, thiết bị dẫn, máy nén, bộ gá định vị, thiết bị thử độ mài mòn	
89	Bột bả tường, matit: Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính với nền, độ bền nước	TCVN 7239:2014	Sàng thí nghiệm, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giờ, bộ dao cắt, tủ sấy, bể ngâm mẫu, ống đong, máy hút chân không	
VII	Thử nghiệm gạch xây, cơ lý gạch bê tông nhẹ, gạch bê tông tự chèn, gạch lát xi măng, granito, gạch terazo, gạch chịu lửa, gạch ốp lát			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
90	Gạch xây: Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:2009	Thước đo, máy cắt, tấm kính, máy nén uốn thủy lực, gối lăn, cân kỹ thuật...	Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh Nguyễn Quang Bình Dương Thị Thanh Nguyễn Tiến Trung
91	Gạch xây: Cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy cắt, máy nén uốn	
92	Gạch xây: Cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy cắt, gối lăn, máy nén uốn	
93	Gạch xây: Độ hút nước và khối lượng thể tích, Độ rỗng	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
94	Gạch xây: Khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, thước đo, dụng cụ cân thủy tĩnh	
95	Gạch xây: Độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật, thước đo, dụng cụ cân thủy tĩnh	
96	Gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ hút nước, khối lượng thể tích và độ co khô	TCVN 9030:2017	Thước đo, máy nén thủy lực, tủ sấy, cân kỹ thuật, tủ khí hậu, dụng cụ đo độ dài, thiết bị xác định hệ số dẫn nhiệt	
97	Gạch bê tông: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ bền nén, độ hút nước, độ thấm nước, độ chịu mài mòn, độ rỗng, co ngót khô	TCVN 6477:2016; ASTM C140/C426	Thước đo, cân kỹ thuật, tấm kính, máy nén thủy lực, thiết bị đo độ thấm nước, tủ sấy, máy mài mòn, bộ gá mẫu	
98	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, độ rỗng, cường độ nén, độ hút nước, độ thấm nước, độ mài mòn	TCVN 6476:2016; ASTM C140	Thước đo, cân kỹ thuật, tấm kính, máy nén thủy lực, thiết bị đo độ thấm nước, tủ sấy, máy mài mòn, bộ gá mẫu	
99	Gạch lát xi măng: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, độ chịu lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt,	TCVN 6065:1995,	Thước đo, cân kỹ thuật, tấm kính, máy nén thủy lực, thiết bị đo độ thấm nước, tủ sấy, máy mài mòn, bộ gá mẫu	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
	độ mài mòn lớp mặt			
100	Gạch Granito: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ cứng lớp mặt, độ mài mòn lớp mặt, độ chịu xung kích	TCVN 6074:1995	Thước đo, cân kỹ thuật, tấm kính, máy nén thủy lực, thiết bị đo độ thấm nước, tủ sấy, máy mài mòn, bộ gá mẫu	
101	Gạch TERAZO: Hình dạng và kích thước, độ hút nước bề mặt, độ bền uốn, độ mài mòn, độ bền thời tiết	TCVN 7744:2013	Thước đo, cân kỹ thuật, tấm kính, máy nén thủy lực, thiết bị đo độ thấm nước, tủ sấy, máy mài mòn, buồng khí hậu	
102	Gạch chịu lửa (gạch sa mốt), vật liệu chịu lửa: Kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 4710:1998; TCVN 6350:1999	Thước đo, cân kỹ thuật, tấm kính, máy nén thủy lực, thiết bị đo độ thấm nước, tủ sấy	
103	Gạch ốp lát: Kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2,3,4,5,6,7,9,11,18:2016 ASTM C484	Thước đo	
104	Gạch ốp lát: Độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối, khối lượng thể tích	TCVN 6415-2:2016	Tủ sấy, cân kỹ thuật,	
105	Gạch ốp lát: Độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-3:2016, ASTM C1505	Máy nén thủy lực, bi thép crôm	
106	Gạch ốp lát: Độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016	Máy mài mòn sâu	
107	Gạch ốp lát: Độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016	Máy mài mòn bề mặt	
108	Gạch ốp lát: Độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016, ASTM C484	Bể nước mát, tủ sấy	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
109	Gạch ốp lát: Độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2016	Nồi hấp Autoclave	
110	Gạch ốp lát: Độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016	Bộ khoáng vật	
VIII	Đá ốp lát tự nhiên, đá ốp lát nhân tạo và tấm thạch cao			
111	Đá ốp lát tự nhiên: Sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016, ASTM C97, C99, C880, E303	Thước đo, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén uốn thủy lực, Máy đo độ cứng thang Mohs	Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
112	Đá ốp lát nhân tạo: Sai lệch kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt, độ hút nước, độ bền uốn, độ bền băng giá, độ mài mòn sâu, độ cứng bề mặt theo thang Mohs	CVN 8057:2009, ASTM C1353, C666	Thước đo, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén uốn thủy lực, Máy đo độ cứng thang Mohs	
113	Tấm thạch cao: Cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023	Máy nén thủy lực, Bộ gá, thước đo	
114	Tấm thạch cao: Độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023	Tủ dưỡng ẩm, thước đo	
115	Tấm thạch cao: Độ hút nước	TCVN 8257-6:2023	Tủ sấy, thước đo, cân kỹ thuật	
116	Tấm thạch cao: Độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2023	Tủ sấy, thước đo	
117	Tấm thạch cao: Độ thẩm thấu hơi nước	TCVN 8257-8:2023	Tủ dưỡng độ ẩm, tủ sấy, cân kỹ thuật	
IX	Thử vải và sản phẩm địa kỹ thuật, bắc thăm			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
118	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011, ASTM D4632, D4595	Máy kéo 10 tấn, thước, tủ sấy, khuôn tạo mẫu	Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh Nguyễn Quang Bình Dương Thị Thanh Nguyễn Tiến Trung
119	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533	Máy kéo 10 tấn, thước, tủ sấy, khuôn tạo mẫu	
120	Xác định cường độ xé rách theo chiều rộng	ASTM D4595	Máy kéo 10 tấn, thước, tủ sấy, khuôn tạo mẫu	
121	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241, D4833, D5494	Máy kéo 10 tấn, thước, tủ sấy, khuôn tạo mẫu, bộ gá thanh chuẩn	
122	Xác định lực xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833	Máy kéo 10 tấn, thước, tủ sấy, khuôn tạo mẫu, bộ gá thanh chuẩn	
123	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786	Bộ kích tạo áp lực và buồng chịu áp, thước, tủ sấy, khuôn tạo mẫu	
124	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng	TCVN 8871-6:2011, TCVN 8486:2010; ASTM D4751	Tủ sấy, sàng, hạt kích thước	
125	Xác định sức bền kháng thủng bằng phép thử rơi côn	TCVN 8484:2010; BS EN 918	Bộ gá, côn đâm xuyên	
126	Xác định độ dày	TCVN 8220:2009; ASTM D5199, D1159, D1777	Bộ gá kẹp, đồng hồ đo độ dày	
127	Xác định khối lượng riêng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D3776, D5261	Thước, tủ sấy, cân kỹ thuật	
128	Xác định lực kéo đứt, độ giãn dài	TCVN 8485:2010; ASTM D4595	Máy kéo 10 tấn, thước, tủ sấy, khuôn tạo mẫu, bộ gá mẫu	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
129	Xác định hệ số thấm xuyên	TCVN 8487:2010; ASTM D4491, D4551	Khuôn gắn mẫu, bộ thiết bị thử thấm, bình đong.	
130	Xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012; ASTM D1907	Máy kéo 10 tấn, thước, tủ sấy, khuôn tạo mẫu	
131	Xác định tốc độ dòng chảy (trong mặt phẳng) trên mỗi chiều rộng đơn vị và độ xuyên thủy lực của vải địa kỹ thuật	ASTM D4716, D4716M	Khuôn gắn mẫu, bộ thiết bị thử thấm, bình đong.	
132	Khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8482:2010; ASTM D7238	Tủ sấy, máy kéo 10 tấn, tủ UV	
X	Phân tích hóa nước			
133	Xác định chỉ số Pemanganat (khả năng oxy hóa)	TCVN 6186:1996	Cân phân tích, lò nung, thuốc thử	Nguyễn Thị Mai Phương
134	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	Máy đo pH	
135	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Tủ sấy, lò nung, phễu lọc, giấy lọc	
136	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6200:1996	Cân phân tích, tủ sấy, tủ nung, hóa chất...	
137	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	Cân phân tích, bình thủy tinh, phễu lọc, hóa chất...	
XI	Phụ gia khoáng, phụ gia hóa học cho xi măng và bê tông			
138	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn: Chỉ số hoạt tính cường độ so với mẫu đối chứng, hàm lượng SO_3 , hàm lượng kiềm có hại của phụ gia, tổng hàm lượng các ôxít $\text{SiO}_2 + \text{Al}_2\text{O}_3 + \text{Fe}_2\text{O}_3$, độ ẩm, hàm lượng mất khi	TCVN 8825:2011;	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hóa chất, máy trộn vữa, khuôn đúc mẫu 4x4x16cm, sàng, Máy nén bê tông, côn rút sệt, máy đo điện lượng, ống thủy tinh 200ml, thùng chưng cất, đĩa ngắt, máy	Nguyễn Thị Trinh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
	nung, lượng sót sàng 45 μ m và 80 μ m, lượng nước yêu cầu so với mẫu đối chứng, độ nở trong thùng chung áp		đo chiều dài	
139	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng: Tổng hàm lượng ôxit SiO ₂ + Al ₂ O ₃ + Fe ₂ O ₃ , hàm lượng lưu huỳnh, hợp chất lưu huỳnh tính quy đổi ra SO ₃ , hàm lượng canxi ôxit tự do CaO _{td} , hàm lượng mất khi nung, hàm lượng kiềm có hại, độ ẩm, lượng sót sàng 45 μ m, lượng nước yêu cầu so với mẫu đối chứng, hàm lượng ion Clo, hoạt độ phóng xạ tự nhiên A _{eff}	TCVN 10302:2014, ASTM C311	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hóa chất, máy trộn vữa, khuôn đúc mẫu 4x4x16cm, sàng, Máy nén bê tông, côn rút sệt, máy đo điện lượng, ống thủy tinh 200ml, thùng chung áp, đĩa ngắt, máy đo chiều dài	Nguyễn Thị Trinh
140	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa - Silicafume và tro trấu nghiền mịn: Hàm lượng SiO ₂ , độ ẩm, hàm lượng mất khi nung, lượng sót trên sàng 45 μ m, chỉ số hoạt tính đối với xi măng so với mẫu đối chứng ở 7 ngày tuổi, bề mặt riêng	TCVN 8827:2011, ASTM C1240	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hóa chất, máy trộn vữa, khuôn đúc mẫu 4x4x16cm, sàng, Máy nén bê tông, côn rút sệt, máy đo điện lượng, ống thủy tinh 200ml, thùng chung áp, đĩa ngắt, máy đo chiều dài	Nguyễn Thị Trinh
141	Xỉ hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa: Khối lượng riêng; bề mặt riêng; chỉ số hoạt tính cường độ tuổi 7 ngày, 28 ngày và 91 ngày; tỷ lệ độ lưu động, độ ẩm, hàm lượng MgO, hàm lượng SO ₃ , hàm lượng ion Clo, hàm lượng mất khi nung	TCVN 11586:2016	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hóa chất, máy trộn vữa, khuôn đúc mẫu 4x4x16cm, sàng, Máy nén bê tông, côn rút sệt, máy đo điện lượng, ống thủy tinh 200ml, thùng chung áp, đĩa ngắt, máy đo chiều dài	Nguyễn Thị Mai Phương

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
142	Xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng: Hệ số kiểm tính; chỉ số hoạt tính cường độ tuổi 7 và 28 ngày; hàm lượng MgO; lượng xi ở dạng cục kích thước lớn hơn 100mm; tạp chất đá, sỏi, than, đặc biệt là hợp kim sắt	TCVN 4315:2007	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hóa chất, máy trộn vữa, khuôn đúc mẫu 4x4x16cm, sàng, Máy nén bê tông, côn rút sứt, máy đo điện lượng, ống thủy tinh 200ml, thùng chung áp, đĩa ngắt, máy đo chiều dài	Nguyễn Thị Mai Phương
143	Phụ gia hóa học: Xác định khối lượng riêng, xác định độ Ph, hàm lượng chất khô, hàm lượng tro, khả năng giảm nước so với mẫu đối chứng, thời gian đông kết, cường độ nén, cường độ uốn so với mẫu đối chứng, ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở	TCVN 8826:2011; ASTM C494, C403, C1603	Sàng vuông 5mm, bình đựng 150x150mm, đồng hồ bấm giây, dụng cụ ấn xuyên, nhiệt kế, máy thử cường độ chịu nén uốn, thiết bị đo co nở bê tông, tủ sấy, cân kỹ thuật	Nguyễn Thị Mai Phương
XII	Thử nghiệm tám trải chống thấm trên cơ sở bì tum biến tính, tám CPE			
144	Tám trải chống thấm: Xác định tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt	TCVN 9067-1:2012	Máy thử kéo có bộ phận điều chỉnh tốc độ kéo. Dụng cụ trục thùng động. Kẹp mẫu, tủ sấy, giá treo mẫu. Ống hình trụ bằng kim loại hoặc bằng nhựa D50mm, H 610mm, keo silicon, giá đỡ.	Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh
145	Tám trải chống thấm: Độ bền chọc thủng động	TCVN 9067-2:2012		
146	Tám trải chống thấm: Độ bền nhiệt	TCVN 9067-3:2012		
147	Tám trải chống thấm: Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9067-4:2012		
148	Tám CPE: Xác định độ dày	TCVN 9409-1:2014		
149	Tám CPE: Độ bền bóc tách của môi dán	TCVN 9409-2:2014	Thước kẹp. Khuôn tạo mẫu, máy cắt, dụng cụ đo chiều dày, máy thử kéo đa năng. Tủ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
150	Tấm CPE: Tỷ lệ thay đổi khối lượng ở 70°C	TCVN 9409-3:2014	sấy, giá đỡ, cân phân tích.	
151	Tấm CPE: Độ bền trong môi trường hóa chất	TCVN 9409-5:2014		
XIII	Thử nghiệm bằng cân nước vật liệu chống thấm			
152	Vật liệu chống thấm - Băng chặn nước (băng cân nước) PVC: Xác định sai lệch so với kích thước danh nghĩa; Xác định khối lượng riêng: Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt ở điều kiện thường và nhiệt; Xác định độ cứng; Xác định tỉ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt; Xác định độ bền hoá chất;	TCVN 9407:2014; ASTM D2240; ASTM D412; ASTM D624; TCVN 2229:2013	Thước cặp/calip, thước thẳng. Cân độ chính xác đến 1mg. Khuôn tạo mẫu, máy cắt, dụng cụ đo chiều dày, máy thử kéo. Máy đo độ cứng, tủ sấy, bình ổn định nhiệt, hóa chất...	Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
XIV	Thử nghiệm màng chống thấm, màng HDPE và các chất tạo màng			
153	Xác định độ dày	ASTM D5199, BSEN 1849	Đồng hồ bấm giây, thước kẹp, bộ dụng cụ đo chiều dày, đồng hồ thiên văn kế	Nguyễn Quang Bình Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
154	Xác định khối lượng riêng	ASTM D1505, D792	Cân phân tích	
155	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	ASTM D6693	Khuôn tạo mẫu, máy cắt, dụng cụ đo chiều dày, máy thử kéo...	
156	Xác định cường độ chịu xé	ASTM D1004, D624, BSEN 12310	Khuôn tạo mẫu, máy cắt, dụng cụ đo chiều dày, máy thử kéo.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
157	Xác định độ bền chọc thủng	ASTM E154	Dụng cụ chọc thủng động	
158	Xác định độ bền hóa chất	ASTM D543	Máy thử kéo đa năng, hóa chất, ống đong, cân phân tích	
159	Xác định hệ số lão hóa	ASTM D573	Cân phân tích, tủ sấy, giá treo.	
160	Xác định độ bền mối hàn	ASTM D1876	Khuôn tạo mẫu, máy cắt, dụng cụ đo chiều dày, máy thử kéo	
161	Xác định độ thấm nước	ASTM D5385, ASTM E96	Máy chạy thấm, ống mẫu 610mm	
162	Xác định độ hút nước	ASTM D570	Cân phân tích	
163	Các chất tạo màng: Cường độ chịu kéo, độ giãn dài khi đứt, cường độ bám dính, cường độ bám dính sau khi ngâm nước, sau khi lão hóa nhiệt, khả năng tạo cầu hàn gắn vết nứt, độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh, kháng uv, độ thấm sâu dưới áp lực nước	BS EN 14891; BS EN 12390-8; ASTM D4541, D903 TCVN 12692:2020	Máy kéo, thước kẹp, máy kéo bám dính, tủ sấy, bình ngâm nước, ống nhựa thủy tĩnh, máy thử độ thấm sâu.	Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
XV	Thử nghiệm sơn, sơn Bitum cao su, sơn nhũ tương, sơn Epoxy			
164	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015	Thước đo, dao gạt.	
165	Xác định thời gian chảy bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013	Phễu chảy, nhiệt kế, giá đỡ, ống nivo giọt nước, tấm kính phẳng, đồng hồ bấm giây.	
166	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993	Tấm kính, cân phân tích, chổi lông mềm hoặc máy phun sơn	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
167	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096-1:2015	Hệ thống đế và trục nén, đĩa cao su phẳng, miếng vải, đồng hồ bấm giây.	
168	Xác định độ bền lớp phủ	TCVN 2097:2015	Dao cắt, kính lúp, cạnh dẫn hướng và cạnh khoảng cách	
169	Xác định độ bền uốn của màng sơn	TCVN 2099:2013	Thiết bị thử uốn, khoang có kiểm soát nhiệt độ, kính phóng đại.	
170	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2020	Đồng hồ bấm giây, que khuấy bằng thủy tinh	
171	Xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012	Máy đo chiều dày màng sơn.	
172	Sơn bitum cao su: Xác định thời gian khô, Xác định độ chịu nhiệt, Xác định độ xuyên nước	TCVN 6557:2000	Đồng hồ bấm giây, máy thấm	
173	Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2024	Chậu nhựa, bếp điện, khăn lau, nồi nhôm, parafin, nước cất.	
174	Xác định độ bền kiềm của màng sơn	TCVN 8653-3:2024		
175	Xác định độ bền rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:2024		
176	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-5:2024	Tủ dưỡng hộ điều chỉnh nhiệt độ, máy đo, dây can nhiệt	
177	Sơn epoxy: Xác định ổn định trong thùng chứa, Xác định tính đồng nhất, Xác định độ mịn, Xác định thời gian khô, Xác định khả năng thi công sơn, Xác định bề ngoài màng sơn, Xác định khả năng chịu xăng	TCVN 9014:2011	Que khuấy, tấm nền thép, cân kỹ thuật, cốc kim loại có nắp	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
178	Xác định độ bền hóa chất của màng sơn	ASTM D1308	Bình đông, bình đựng dung dịch, hóa chất.	
XVI	Dung dịch chống thấm, thanh trương nở, vật liệu gốc polyurethane, silicon xâm khe cho kết cấu xây dựng			
179	Thử nghiệm cơ lý của dung dịch chống thấm: Tỷ trọng, độ PH, độ chống thấm, cường độ bám dính, xác định độ thấm ion clo, Hàm lượng chất khô, khả năng hàn gắn vết nứt	ASTM D1475, ASTM D6739, BSEN 14891, TCVN 9337:2012, TCVN8826:2011; ASHTO T259	Bình tỷ trọng, cân phân tích, máy đo độ pH, quỳ tím, bình tam giác, tủ sấy, máy thử thấm, máy kéo bám dính, máy khoan, kính hiển vi điện tử, von kế...	Nguyễn Thị Trinh Dương Thị Thanh
180	Thanh trương nở: Tỷ trọng ở 25°C, độ nở thể tích	ASTM D71, D471	Bình tỷ trọng, cân phân tích, dụng cụ cân thủy tĩnh, thước kẹp,...	
181	Polyurethane: Độ trương nở	ASTM C1643	Ống lường 1000ml, thước kẹp	
182	Silicon xâm khe: Xác định độ chảy	TCVN 8267-1:2009	Khuôn thử hình U, tủ làm lạnh, tủ sấy, cân, dao cắt mẫu, đĩa gỗ, thước đo, cốc nhựa 600ml, Súng xâm mạch, Shore A, Sáu mảnh polyetylen trong suốt, Máy thử cơ lý vạn năng....	
183	Silicon xâm khe: Khả năng đùn chảy	TCVN 8267-2:2009		
184	Silicon xâm khe: Độ cứng Shore A	TCVN 8267-3:2009		
185	Silicon xâm khe: Ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến tổn hao khối lượng, tạo vết nứt	TCVN 8267-4:2009		
186	Silicon xâm khe: Thời gian không dính bề mặt	TCVN 8267-5:2009		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
187	Silicon xâm khe: Cường độ bám dính	TCVN 8267-6:2009		
XVII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI, LIÊN KẾT HÀN VÀ MỐI NỐI			
188	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; ISO 6892-1; ASTM A370, B557; JIS Z2241; EN 10002-1	Thước thép, cân kỹ thuật, máy kéo thép,..	Nguyễn Tiến Trung Nguyễn Thị Mai Phương Bùi Hoàng Khánh Nguyễn Thị Trinh Nguyễn Thanh Tuấn
189	Thử uốn	TCVN 198:2008; ISO 7438; ASTM A370; JIS Z2248	Máy kéo thép, gô uốn, thước thép,...	
190	Đo độ cứng – Phương pháp Brinell	TCVN 256-1:2006; ISO 6506-1:2005; ASTM E10, A370; JIS Z2243	Viên bi thép, máy thử,..	
191	Đo độ cứng – Phương pháp Rockwell	TCVN 257-1:2007; ISO 6508-1:2005; ASTM E18, A370; JIS Z2245	Mũi thử Rockwell, máy thử,..	
192	Đo độ cứng – Phương pháp Vicker	TCVN 258-1:2007; ISO 6507-1:2005; ASTM E92, A370; JIS Z2244	Mũi thử kim cương hình tháp, máy thử,..	
193	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo thép, gô uốn, thước thép,..	
194	Kiểm tra chất lượng hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy kéo thép, thước thép,..	
195	Thử kéo mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy kéo thép, thước thép,..	
196	Vật liệu kim loại ống – Thử kéo, nén	TCVN 314:2008; ASTM	Máy kéo thép, máy nén, máy	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
	bẹp, thử áp lực thủy tĩnh	A370; TCVN 1830:2008; ISO 8492; JIS G3452, G3444, G3459; TCVN 1832:2008	thử áp lực ống...	
197	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Siêu âm	TCVN 1548:1987, TCVN 6735:2018; ISO 17640:2017; ASTM E164; JIS Z3060; EN 1714-A2	Máy siêu âm mối hàn, thước kỹ thuật, kính lúp,...	
198	Lớp phủ bề mặt kim loại: Khối lượng lớp mạ trên đơn vị diện tích, đo chiều dày lớp phủ	TCVN 7665:2007, ASTM A90, ISO 1461, JIS H0401; TCVN 5878:2007, ASTM E376, B244, ISO 2178, ASTM D6677, D3359, ISO 2409	Máy đo chiều dày lớp phủ, thước đo, dao cắt...	
199	Xác định cường độ kéo Bulong, cường độ kéo mối nối bằng ống ren	TCVN 1916:1995, TCVN 13711-2:2023; ASTM A370, F606; JIS B1186	Máy kéo, thước kẹp kỹ thuật, bộ ngàm kéo,...	
200	Rọ đá thép: Kích thước hình học	TCVN 10335:2014, TCVN 7665:2007	Thước đo, cân phân tích, hóa chất,....	
201	Kéo cáp	ASTM A1061	Máy kéo, thước kẹp	
XVII I	Thí nghiệm cơ lý đất trong phòng, dung dịch bentonit			
202	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854	Sàng, tỷ trọng kế, cân kỹ thuật	Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
203	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216	Tủ sấy, bình hút ẩm, cân kỹ thuật,...	Dương Thị Thanh
204	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318	Thiết bị Casagrande, cân kỹ thuật, tủ sấy,...	
205	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136, D1140, D422	Bộ sàng, cân, tủ sấy,...	
206	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080	Máy cắt một mặt phẳng,...	
207	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012, ASTM D2435	Máy nén , thiết bị đo độ biến dạng,...	
208	Thí nghiệm nén một trục có nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166	Máy nén ,...	
209	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, quy trình đầm nén đất đá đầm trong phòng	TCVN 4201:2012, 22 TCN 333:06; ASTM D1557, D698	Cối, chày đầm proctor,...	
210	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D2937	Dao vòng, parphin, cân kỹ thuật, tủ sấy,...	
211	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020, ASTM D1883, ASTM D4429	Khuôn, máy CBR, đồng hồ biến dạng,...	
212	Hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012	Tủ sấy, lò nung, cân kỹ thuật, sàng, giấy lọc, buret, bếp đun, buret...	
213	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Phao nổi, lưới ô vuông 1cm ² , bình thủy tinh,...	
214	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012	Bàn, giá đỡ đồng hồ đo biến dạng, hộc chứa nước, dao	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
			vòng chứa đất,	
215	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; ASTM D2434, D2850	Thiết bị thử thấm, đồng hồ bấm giây...	
216	Dung dịch Bentonit: Xác định khối lượng riêng, độ ổn định, độ nhớt phễu Marsh, độ pH, lực cắt tĩnh, hàm lượng cát, độ dày áo sét, lượng tách nước, tỷ lệ keo (độ trương nở);	TCVN 11893:2017, ASTM D4380, D4381, D6910	Dụng cụ cân tỷ trọng, nước cát, ống đong 1000ml, phễu marsh, phễu côn, sàng, cốc chia vạch, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế, thiết bị đo độ PH, bộ dụng cụ Shearometer, sàng 75µm, máy ép lọc áp suất...	
IXX	Vật liệu sửa chữa vết nứt			
217	Xác định độ nhớt biểu kiến (phương pháp đo độ nhớt quay)	KS M ISO 2555:2018	Máy đo độ nhớt	Nguyễn Thị Mai Phương Nguyễn Thị Trinh
218	Xác định độ ổn định nhiệt	ISO/TS 16774-1:2024	Tủ sấy, máy chạy thấm, máy bơm keo	
219	Khả năng kháng (độ bền) hóa chất	ISO/TS 16774-2:2023	Cân kỹ thuật	
220	Độ bền rửa trôi	ISO/TS 16774-3:2023	Buồng dẫn nước, cân kỹ thuật	
221	Độ bám dính trên bề mặt bê tông ướt	ISO/TS 16774-4:2017	Máy kiểm tra độ bám dính, máy bơm keo	
222	Độ chống thấm dưới áp lực thủy tĩnh	ISO/TS 16774-5:2017	Máy chạy thấm, máy bơm keo	
223	Khả năng đối ứng với các dịch chuyển của kết cấu	ISO/TS 16774-6:2016	Máy kéo đa năng, máy chạy thấm, máy bơm keo	
224	Tỷ trọng	KS M ISO 2811-1:2022	Bộ cốc chuyên dụng, cân kỹ thuật	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
XX	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
225	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971, TCVN 8729:2012, TCVN 8297:2009, TCVN 8728:2012	Cân, dụng cụ dao vòng, khay nhôm, bếp ga, còn,...	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
226	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:2006, TCVN 8729:2012, TCVN 8728:2012; ASTM D1556, AASHTO T191	Cân, dụng cụ rót cát, khay nhôm, muôi, cát tiêu chuẩn, đục, bếp ga, còn, ...	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
227	Độ chặt sau khi đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012	Cân, dụng cụ rót cát, khay nhôm, muôi, cát tiêu chuẩn, đục, bếp ga, còn, ...	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
228	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011, ASTM D4695 AASHTO T256	Hệ thống chất tải, xe tải, tấm ép, kích thủy lực,...	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
229	Xác định modul đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011, TCVN 9354:2012, ASTM D4695	Cần đo vòng Benkelman, xe tải, kích thủy lực,	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
230	Đo điện trở đất (chống sét)	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Trọng Tiến
231	PP không phá hoại sử dụng súng bật nảy; kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9334:2012, TCVN 9335:2012, ASTM C805, JIS A1155, EN 12504-1	Máy siêu âm bê tông, súng bật nảy, mỡ va dơ lin, đá mài,...	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
232	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt	TCVN 9356:2012, ASTM C876	Máy đo điều dày lớp bê tông và vị trí đường kính cốt thép,...	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên,

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
	thép trong bê tông			Nguyễn Trọng Tiến
233	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011, ASTM E950, BS1082	Thước 3 m	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
234	Phương pháp điện thế kiểm tra độ ăn mòn của cốt thép	TCVN 9348:2012	Máy đo độ ăn mòn cốt thép	Trần Hùng Nam Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
235	Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực, tấm đệm đầu cọc, đồng hồ đo chuyển vị và dịch chuyển	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Trọng Tiến, Nguyễn Quang Bình
236	Xác định độ thấm nước của đá, đất bằng phương pháp thí nghiệm ép nước, đổ nước vào hố khoan	TCVN 9149:2012; TCVN 8731:2024	Máy bơm, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo áp lực nước, máy nén khí,..	Nguyễn Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Trinh
237	Xác định sức kháng trượt của bê tông	SL 48:94, II 01-73	Máy đo độ kháng trượt	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
238	Phương pháp thử không phá hủy – Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012; TCVN 13537:2022; TCVN 13536:2022; ASTM C597; EN 12504-4	Máy siêu âm bê tông	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
239	Xác định lực và cường độ kéo nhỏ của bê tông (kéo neo)	TCVN 9490:2012; ASTM C900	Kích thủy lực, bộ ngàm, đồng hồ đo lực,...	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
240	Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt cấu kiện bê tông và bê tông đúc sẵn	TCVN 9347:2012	Máy ép, kích thủy lực, đòn bẩy, đồng hồ áp lực,...	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Trọng Tiến, Nguyễn Quang Bình

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
241	Phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu BTCT chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:2012	Thiết bị và vật liệu tạo tải trọng, thiết bị đo tải trọng,..	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Trọng Tiến, Nguyễn Quang Bình
242	Phương pháp thử tải trọng tĩnh kiểm tra khả năng chịu kéo và cắt đồng thời của hệ tường panel trong kết cấu công trình	ASTM E2127	Khung cố định, giá treo, dụng cụ đo khả năng chịu kéo và chịu cắt	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Trọng Tiến, Nguyễn Quang Bình
243	Đánh giá độ nhám bề mặt của bê tông	TCVN 2511:2007	Thước, parapin, máy đo độ nhám bề mặt cầm tay	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến
244	Thí nghiệm thử tải cọc bằng phương pháp tự cân bằng (O-Cell)	ASTM D8169,D8169M-18; JGS 1812-2002;JT,T 738-2009;	Kích, đồng hồ đo chuyển vị, đầu đo đa kênh, máy tính.	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Trọng Tiến, Nguyễn Quang Bình
245	Đo rung động và chấn động đối với công trình	TCVN 7378:2004	Đầu đo, thiết bị chuyển đổi tín hiệu, thiết bị đọc và ghi kết quả đo	Nguyễn Thanh Tuấn
246	Kiểm tra và đánh giá độ ồn	TCVN 7878:2018	Micro; dây nối, chụp chắn gió và các thiết bị lưu trữ, đo áp suất âm	Nguyễn Thanh Tuấn
247	Kiểm tra độ rọi, hệ số chói lóa, chỉ số thể hiện màu	TCVN 7114:2008; TCVN 5176:1990	Thiết bị đo luxmet	Nguyễn Thanh Tuấn
248	Phương pháp xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy	Bùi Hoàng Khánh, Nguyễn Tiến Sơn, Đào Văn Tuyên, Nguyễn Trọng Tiến

PHỤ LỤC II:
DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN
(Kèm theo công bố số 239/VTC-PNCVL ngày 14/ 4 /2026 của Viện Thủy công)

1. Danh mục thiết bị thí nghiệm chính

STT	Loại thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số sêri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
I	Thiết bị thí nghiệm đất					
1	Thiết bị cắt đất trực tiếp	Trung Quốc	1996	0097	Đã hiệu chuẩn	
2	Máy nén tam liên	Trung Quốc	2000	15677 /15696 /197642	Đã hiệu chuẩn	
3	Máy CBR 30kN (vòng ứng biến)	Trung Quốc	2006	A8278	Đã hiệu chuẩn	
4	Tủ sấy	Hàn Quốc	2003	SH101	Đã hiệu chuẩn	
II	Phần xây dựng					
5	Máy nén, kéo uốn WE1000B Trung Quốc	Trung Quốc	2007	100301	Đã hiệu chuẩn	
6	Máy nén, uốn mẫu bê tông 3000 KN Italia	Ý	2000	C079P112/ZG/0001	Đã hiệu chuẩn	
7	Máy nén, uốn mẫu xi măng 250 KN MATEST - Italia	Ý	2007	E160-01/ZG/0005	Đã hiệu chuẩn	
8	Máy xác định độ chống thấm bê tông	Trung Quốc	2001	60603	Đã hiệu chuẩn	
9	Máy xác định hệ số thấm, độ chống thấm bê tông MATEST	Ý	2006	205579	Đã hiệu chuẩn	
10	Máy mài mòn LosAngeles	Nhật	2003	JDM9-4	Đã hiệu chuẩn	
11	Thiết bị xói mòn bê tông, mài mòn bề mặt	Mỹ	2009	N ^o : 207	Đã hiệu chuẩn	
12	Máy đo thấm ion clo	Ý	2022	58-E5214	Đã hiệu chuẩn	
III	Phần thí nghiệm hiện trường					
13	Máy siêu âm bê tông	Ý	2022	21003438	Đã hiệu chuẩn	
14	Súng bật nảy	Ý	2001; 2022	C380/AI/0889 C386M/BZ/0167	Đã hiệu chuẩn	

STT	Loại thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số sêri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
15	Dụng cụ đo chiều dày lớp phủ	Trung Quốc	2022	FNS 389469	Đã hiệu chuẩn	
16	Máy siêu âm kim loại	Trung Quốc	2022	190894006	Đã hiệu chuẩn	
17	Máy dò cốt thép	Mỹ	2022	20180609	Đã hiệu chuẩn	
18	Máy đo ăn mòn cốt thép	Thụy sỹ	2002	39240010	Đã hiệu chuẩn	
19	Kích thủy lực	Trung Quốc		H 557	Đã hiệu chuẩn	
IV	Phần thí nghiệm sơn					
20	Máy kéo bám dính	Thụy sỹ	2002	10605	Đã hiệu chuẩn	
21	Bộ thiết bị đo độ cứng	Nhật Bản	1996	187.5	Đã hiệu chuẩn	
22	Dụng cụ đo chiều dày lớp phủ	Anh		FNS 389469	Đã hiệu chuẩn	
23	Dụng cụ thí nghiệm độ rửa trôi màng sơn	Việt Nam				Dụng cụ cầm tay
24	Máy kéo vải địa kỹ thuật đa năng 100kN	Trung Quốc	2022	2210-1345	Đã hiệu chuẩn	
VI	Các loại máy móc thiết bị khác					
25	Cân kỹ thuật phân tích	Anh	2000	8331260956	Đã hiệu chuẩn	
26	Cân kỹ thuật	Nhật Bản	2019	413858461	Đã hiệu chuẩn	
27	Cân kỹ thuật điện tử	Nhật	2022	4838864741	Đã hiệu chuẩn	
28	Thiết bị đo độ dày màng, tấm (đồng hồ đo biến dạng)	Anh	2022	-	Đã hiệu chuẩn	
29	Máy kéo ngang Columbine 50kN	Mỹ		NAL-0696	Đã hiệu chuẩn	
30	Đồng hồ đo độ cứng Shore A	Trung Quốc	2020	20191029	Đã hiệu chuẩn	
31	Đồng hồ đo độ cứng Shore D	Đức	2016	D11365968	Đã hiệu chuẩn	
32	Máy đo độ pH	Mỹ	2003	-	Đã hiệu chuẩn	
33	Bộ dụng cụ đo độ giãn nở, co ngót của vữa xi măng Control (kiểm định đồng hồ)	Anh	2008	1107000825	Đã hiệu chuẩn	
34	Máy đo độ nhớt Brookfield	Hàn Quốc	2025	8504064	Đã hiệu chuẩn	
35	Lò nung	Thụy sỹ	2007	3131	Đã hiệu chuẩn	

2. Danh sách thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Văn bằng, chứng chỉ	Vị trí/ Chức vụ	Hợp đồng lao động
1	Nguyễn Quang Bình	01/06/1976	Tiến sĩ vật liệu/ Chứng chỉ QL Phòng thí nghiệm số: 83519/VILAS; Chứng chỉ TNV chuyên ngành XD giao thông số: 949/VKHCN-TNV; Chứng nhận HD thực hành kiểm soát nứt trong bê tông khối lớn; Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm định chất lượng CTXD số 264/2017/CNBĐNV-CDMI;	Trưởng Phòng nghiên cứu Vật liệu/ Trưởng phòng thí nghiệm	Biên chế, HĐLĐ ngày 01/07/2004 giữa Viện KHTL Việt Nam và ông Nguyễn Quang Bình
2	Nguyễn Thanh Tuấn	03/06/1981	Thạc sĩ vật liệu/ Chứng chỉ thí nghiệm về "Không phá hủy" số 12176/2015/VKH-TNXD; Chứng chỉ QL phòng thí nghiệm số 13289/2016/VKH-THXD; Chứng chỉ "Chỉ huy trưởng CTXD" số QDD03-040/2021/BDNV-CHT.	Phó trưởng Phòng nghiên cứu Vật liệu/ Phó trưởng phòng thí nghiệm	Biên chế, HĐLĐ ngày 01/01/2012 giữa Viện Thủy công và ông Nguyễn Thanh Tuấn
3	Nguyễn Tiến Trung	21/03/1972	Thạc sĩ vật liệu/ Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên ngành XD giao thông số: 1084/VKNCN-TNV; Chứng chỉ thí nghiệm "Phương pháp xác định các tính chất cơ lý bê tông và VLXD" số 099/2002/VKH-TNXD; Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ "Kiểm định chất lượng CTXD" số 01-01/2013/KĐCL.	Thí nghiệm viên/ Phòng nghiên cứu Vật liệu	Biên chế, HĐLĐ ngày 01/12/2022 giữa Viện Thủy công và ông Nguyễn Tiến Trung
4	Nguyễn Thị Mai Phương	24/04/1980	Thạc sĩ Địa chất/ Chứng chỉ QL phòng thí nghiệm số: 201702089/VKHCN; Chứng nhận tập huấn TC quốc gia TCVN ISO/IEC số: 1984-2017; Chứng chỉ Phương pháp XD tính chất hóa học của VLXD số 07669-A02023B/VNĐ-TNV; Chứng chỉ TN hiện trường, kiểm tra tính chất hóa học của nước XD số 07034-A02023B/VNĐ-TNV; Chứng chỉ Phương pháp thử các tính chất cơ lý của vật liệu Kim loại và liên kết hàn số: 1873/2007/VKH-TNXD; Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất cơ lý của đất số: 71.154.23/VKHCN-TNV; Chứng chỉ Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và VLXD số: 47.154.23/VKHCN-TNV.	Phụ trách tổ thí nghiệm trong phòng/ Phòng nghiên cứu Vật liệu	HĐLĐ ngày 01/10/2019 giữa Viện Thủy công và bà Nguyễn Thị Mai Phương
5	Bùi Hoàng Khánh	23/12/1993	Kỹ sư Vật liệu/ Chứng chỉ Phương pháp xác định tính chất cơ lý của thép XD số: /VNĐ-CT; Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra tính chất cơ lý của bê tông, đất, cát, đá và hệ thống chống sét số: /VNĐ-CT; Chứng chỉ siêu âm mối hàn số: NDE/00906/UT.	Thí nghiệm viên/ Phòng nghiên cứu Vật liệu	Biên chế, HĐLĐ ngày 01/11/2022 giữa Viện Thủy công và ông Bùi Hoàng Khánh
6	Nguyễn Trọng Tiến	25/01/1997	Kỹ sư Vật liệu/ Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra tính chất cơ lý của bê tông, đất cát đá và hệ thống chống sét số: TC26-01/2020/TNVL	Thí nghiệm viên/ Phòng nghiên cứu Vật liệu	HĐLĐ ngày 01/01/2022 giữa Viện Thủy công và ông Nguyễn Trọng Tiến

7	Nguyễn Thị Trinh	12/12/1991	Kỹ sư Vật liệu/ Chứng chỉ Phương pháp xác định tính chất hóa học của vật liệu XD số: 07429-A02023B/VNĐ-TNV; Chứng chỉ Phương pháp xác định tính chất cơ lý của thép XD số: 01.06/2017/TNVL; Chứng chỉ Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và VLXD số: 03.05/2017/TNVL; Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất cơ lý của đất số: 04.03/2017/TNVL.	Thí nghiệm viên/ Phòng nghiên cứu Vật liệu	HĐLĐ ngày 01/01/2022 giữa Viện Thủy công và bà Nguyễn Thị Trinh
8	Dương Thị Thanh	20/10/1981	Bằng nghề thí nghiệm số: số 000142067/ LĐT BXH-DN.	Thí nghiệm viên/ Phòng nghiên cứu Vật liệu	HĐLĐ ngày 01/01/2011 giữa Viện Thủy công và bà Dương Thị Thanh
9	Đào Văn Tuyên	20/10/1994	Kỹ sư công nghệ vật liệu/ Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm không phá hủy- NDT số Nr.04-QĐ 01/2024/STIC-TNXD	Thí nghiệm viên/ Phòng nghiên cứu Vật liệu	HĐLĐ ngày 30/06/2025 giữa Viện Thủy công và ông Đào Văn Tuyên
10	Nguyễn Tiến Sơn	05/02/1999	Kỹ sư công nghệ vật liệu/ Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm không phá hủy- NDT số Nr.04-QĐ 01/2024/STIC-TNXD	Thí nghiệm viên/ Phòng nghiên cứu Vật liệu	HĐLĐ ngày 31/12/2024 giữa Viện Thủy công và ông Nguyễn Tiến Sơn
11	Trần Hùng Nam	27/03/1991	Kỹ sư hóa/ Chứng chỉ thí nghiệm về Ăn mòn bê tông và bê tông cốt thép số: 12612/2015/VKH-TNXD	Chuyên gia thí nghiệm hiện trường	HĐLĐ ngày 02/01/2024 giữa Viện Thủy công và ông Trần Hùng Nam

3. Tổ chức cam kết

- Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định (nếu thuộc đối tượng phải hiệu chuẩn);
- Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm;
- Thí nghiệm viên được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính phù hợp của thiết bị và năng lực của thí nghiệm viên tham gia hoạt động thí nghiệm.



Nguyễn Chí Thanh